

SỞ GD-ĐT TP ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGŨ VĂN LỚP 10

GV: Đỗ Thị Thu Thủy

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II MÔN NGŨ VĂN, LỚP 10

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức			Tổng
			Nhận biết (Số câu)	Thông hiểu (Số câu)	Vận dụng (Số câu)	
			TL	TL	TL	
1	Đọc	Thơ Nôm Nguyễn Trãi	2	3	1	6
Tỉ lệ điểm			15	30	15	60
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội	1	1	1	1
Tỉ lệ điểm trên từng câu hỏi			10	15	15	40
Tỉ lệ % điểm các mức độ nhận thức			25	45	30	100

2. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tổng
				Nhận biết (TL)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	
I	ĐỌC HIỂU	Thơ Nôm Nguyễn Trãi	Nhận biết: - Thề thơ. - Hình ảnh thơ. Thông hiểu: - Tác dụng biện pháp tu từ. - Ý nghĩa của câu thơ. - Nhận xét về vấn đề gợi dẫn. Vận dụng:	15%	30%	15%	60%

			- Rút ra bài học bản thân				
II	Viết	Viết bài văn nghị luận về vấn đề xã hội	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết (TL)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	
			Nhận biết: - Giới thiệu được vấn đề xã hội cần bàn luận -Xác định được những luận điểm phù hợp với vấn đề xã hội đặt ra. Thông hiểu: -Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. -Trình bày được những quan điểm, những cơ sở về nhận thức và thực tiễn liên quan đến vấn đề xã hội. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để	10%	15%	15%	40%

			bảo vệ quan điểm. -Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt Vận dụng: - Nêu được những bài học rút ra từ vấn đề xã hội đặt ra. - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic. -Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm... để tăng sức thuyết phục cho lập luận. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.				
Tỉ lệ				25%	45%	30%	100%
Tổng				100%			

DUNG ÔN TẬP:

1. Hình thức bài thi: tự luận
2. Thời gian: 90 phút
3. Cấu trúc đề gồm 2 phần: Đọc hiểu và Viết (Làm văn)

*** Phần I: Đọc hiểu (6.0 điểm):**

- **Ngữ liệu :** là những văn bản văn học ngoài SGK thuộc thể loại thơ Nôm của tác giả Nguyễn Tãi.
- + Cần đọc, tham khảo các tác phẩm văn học thuộc thể loại thơ Nôm.
- + Cần rèn luyện kỹ năng đọc- hiểu để trả lời các câu hỏi tự luận ở các mức độ nhận biết và thông hiểu.
- + Cần rèn luyện kỹ năng trả lời ngắn gọn, trọng tâm 1 câu hỏi tự luận ở mức độ vận dụng.

Phần II: Viết (4,0 điểm):

1. Nghị luận xã hội

- *Về kiến thức:*
 - + Kiến thức yêu cầu trình bày quan điểm về vấn đề xã hội.
 - *Về kỹ năng: yêu cầu HS nắm được:*
 - + Kỹ năng viết một bài văn nghị luận xã hội.
- Dung lượng: 500- 600 chữ

II. ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ

I. ĐỌC HIỂU (6đ)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi :

*Công danh đã được hợp về nhàn,
Lành dữ âu chi thế nghị khen.
Ao cạn vớt bèo cấy muống,
Đìa thanh phát cỏ ương sen.
Kho thu phong nguyệt đầy qua nóc,
Thuyền chở yên hà nặng vạy then.
Bui⁽¹⁾ có một lòng trung lẫn hiếu,
Mài chẳng⁽²⁾ khuyết, nhuộm chẳng đen.*

(Thuật hứng 24 – Nguyễn Trãi, Trích Luận đề về Nguyễn Trãi, NXB

***Chú thích:**

(1) Bui: duy, chỉ có

(2) Chẳng: chẳng, không

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1.(0.75 điểm) Xác định thể thơ của bài thơ.

Câu 2. (0.75 điểm) Hình ảnh nào cho thấy tâm thế nhàn của nhân vật trữ tình được nói đến trong bài thơ?

Câu 3. (1.0 điểm) Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá trong câu thơ: *Kho thu phong nguyệt đầy qua nóc*,

Câu 4. (1.0 điểm) Nêu cách hiểu về hai câu thơ sau:

*Công danh đã được hợp về nhàn,
Lành dữ âu chi thế nghị khen.*

Câu 5. (1.0 điểm) Nhận xét về phong cách sống của nhân vật trữ tình.

Câu 6. (1.5 điểm) Từ bài thơ, anh/chị hãy rút ra những bài học tích cực cho bản thân. Lí giải.
(Trình bày dưới hình thức đoạn văn).

II.VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về quan điểm: *thế hệ trẻ nên sống với đam mê của mình tránh sống theo sắp đặt của gia đình.*

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	- Thể thơ: <i>Thất ngôn xen lục ngôn.</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời khác đáp án: 0,0 điểm	0.75
	2	Hình ảnh cho thấy cuộc sống thanh nhàn: <i>Ao cạn vớt bèo cấy muống/Đìa thanh phát cỏ ương sen.</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời khác đáp án: 0,0 điểm	0.75
	3	Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá: <i>Nhân hoá qua hình ảnh “phong nguyệt đầy qua nóc”.</i> - Tác dụng: + Tăng tính gợi hình, gợi cảm, sinh động cho câu thơ; góp phần làm cho cảnh vật trở nên có hồn. + Khắc hoạ không gian cảnh vật yên tĩnh, nhàn thơ. Đồng thời, lời thơ thể hiện tâm hồn an nhàn, hoà hợp với thiên nhiên của nhà thơ. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh chỉ ra được biểu hiện của biện pháp tu từ nhân hoá: 0.25 điểm. - Học sinh trả lời được 2 ý về hiệu quả, không nêu biểu hiện của biện pháp tu từ nhân hoá: 0,75 điểm. - Học sinh nêu được biểu hiện và ý 1: 0,5 điểm; biểu hiện và ý 2: 0,75 điểm.	1.0

		<i>Học sinh trả lời khác đáp án: 0,0 điểm</i>	
	4	Cách hiểu về hai câu thơ: <i>Công danh đã được hợp về nhân,/Lành dữ âu chi thế nghị khen.</i> - Đã cáo quan về quê ở ẩn, không quan tâm chi chuyện khen chê của người đời. quan quân với công danh chốn quan trường. - Hai câu thơ thể hiện mong muốn trở về cuộc sống ẩn dật, thanh nhàn nơi chốn quê, đồng thời lời thơ thể thái độ xem nhẹ công danh phú quý, đề cao sự thanh cao và tự tại của con người. Từ đó ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn, triết lí sống của tác giả. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được ý 1: 0.5 điểm. - Học sinh trả lời được ý 2: 0.75 điểm, ½ ý 2: 0.5 điểm. <i>Học sinh trả lời khác đáp án: 0,0 điểm</i>	1.0
	5	Nhận xét về phong cách sống của nhân vật trữ tình: - Thanh cao, giản dị, hoà hợp với thiên nhiên... - Xem nhẹ danh lợi, thể hiện phong cách sống trong sạch của một bậc hiền sĩ... Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 1 ý: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời khác đáp án: 0,0 điểm. - Học sinh có cách diễn đạt tương đương giám khảo linh hoạt cho điểm	1.0
	6	Rút ra những bài học tích cực cho bản thân: Gợi ý: - Sống thanh cao không chạy theo danh lợi: nếu chạy theo danh lợi con người dễ đánh mất đạo đức, sẵn sàng làm những điều sai trái. Sống thanh cao giúp ta giữ được lòng tự trọng và giá trị bản thân... - Giữ vững nhân cách và bản lĩnh trong cuộc sống: Dù hoàn cảnh sống có thay đổi, biến động cần kiên định, bản lĩnh, giữ vững nhân cách để giúp mỗi người sống đúng đắn, vững vàng trước thử thách và xây dựng một cuộc sống ý nghĩa... Giám khảo linh hoạt cho điểm. Hướng dẫn chấm: - Không đảm bảo hình thức đoạn văn: trừ 0.25 điểm. - Học sinh trả lời 2 ý tương đương có lí giải: 1.5 điểm. - Học sinh trả lời 1 ý tương đương có lí giải: 0.75 điểm <i>Học sinh nêu được 1 bài học nhưng không lí giải: 0.5 điểm.</i>	1.0

II	VIẾT		4
		a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn nghị luận: Có đủ các phần MB, TB, KB. MB: nêu được vấn đề, TB: triển khai được vấn đề, KB: khái quát được vấn đề.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: <i>thế hệ trẻ nên theo đuổi đam mê tránh sống theo sự sắp đặt của gia đình.</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0.5 điểm. - Học sinh xác định chưa đúng vấn đề nghị luận: 0.0 điểm.	0.5
		c. Triển khai vấn đề thành các luận điểm:	
		HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần nghị luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng phù hợp, trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới: 1. Mở bài: - Giới thiệu vấn đề nghị luận. - Trích dẫn vấn đề nghị luận. - Đưa ra quan điểm: đồng tình/không đồng tình 2. Thân bài: * Giải thích ý kiến - <i>Sống theo đam mê: Sống đúng với ước mơ, đúng sở thích...</i> - <i>Tránh theo sự sắp đặt của gia đình : Là sự sắp đặt của cha mẹ mong muốn con cái nghe theo....</i> * Ý nghĩa của vấn đề đối với đời sống: - Ảnh hưởng trực tiếp đến tương lai nghề nghiệp, hạnh phúc cá nhân. - Ảnh hưởng đến mối quan hệ gia đình và sự phát triển xã hội. * Trình bày quan điểm cá nhân: <i>Vì sao thế hệ trẻ nên sống với ước mơ của mình không nên sống theo kì vọng của cha mẹ?</i> - Đam mê tạo động lực mạnh mẽ: Khi làm điều mình yêu thích, con người có nhiều nhiệt huyết, nỗ lực và kiên trì hơn. - Phát huy năng lực và sở trường cá nhân: Mỗi người có khả năng khác nhau; theo đuổi đam mê giúp phát huy tối đa tiềm năng. - Mang lại hạnh phúc và sự hài lòng trong cuộc sống: * Thế hệ trẻ cần làm gì để sống theo đam mê: - Người trẻ cần hiểu rõ năng lực, sở thích và mục tiêu của mình. - Biết trao đổi, thuyết phục cha mẹ về lựa chọn của bản thân. - Không ngừng nỗ lực học tập, rèn luyện để biến đam mê thành thành công. * Phê phán:	2.5

		-Người trẻ sống không có đam mê, thụ động... 3. Kết bài: - Khẳng định lại vấn đề nghị luận. - Liên hệ bản thân. Lưu ý: HS có thể đưa ra quan điểm của bản thân nhưng hợp lý, thuyết phục Gv linh hoạt chấm và vẫn cho điểm tối đa. Hướng dẫn chấm: - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2.5 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1.,0 điểm – 2.0 điểm. - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,2 điểm – 0.75 điểm. - Lạc đề, bỏ giấy trắng: Không chấm điểm.	
		c. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0.25
		d. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy. Hướng dẫn chấm: Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0.25 điểm	0.5
TỔNG			10